TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **287**/2024/HC-PT
Ngày: 25-7-2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân**

Ông **Phạm Văn Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông **Quách Hòa Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 89/2024/TLPT-HC ngày 05 tháng 4 năm 2024 về: *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HC-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1326/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Thanh V – sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Văn T - sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Trần Xuân T1, bà Thái Phương Q và bà Trần Thị H, đều là Luật sư – Văn phòng L, thuộc đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: P, tòa nhà V, bán đảo L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Ông T1 có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn An P – Phó Giám đốc Sở T5, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T2 – Phó Chủ tịch UBND huyện S. Có mặt.

3. Chủ tịch UBND xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên.

4. Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hữu T3 – Phó Chủ tịch. Có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Sở Tài chính tỉnh P,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Hòa K – Chuyên viên phòng Quản lý Giá và Công sản. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: người khởi kiện

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện trình bày:

Tôi hiện đang là chủ sử dụng đất tại thửa số 33, tờ bản đồ số 25, diện tích 6.000m^2, địa chỉ: tại xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Diện tích đất này có nguồn gốc do trúng đấu giá thanh lý tài sản của Ban thanh lý giải thể Nông trường P tháng 3/2019 với giá 80.000.000đ. Sau khi mua tài sản và quyền sử dụng đất thì gia đình tôi đã trực tiếp sử dụng ổn định, lâu dài. Tuy nhiên ngày 18/10/2021 UBND xã S ra thông báo số 81/TB-UBND yêu cầu di dời tài sản và giao trả mặt bằng trụ sở nông trường P1 cho UBND xã S quản lý, sử dụng dựa trên Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 20/5/2009, Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của UBND tỉnh P, Hợp đồng thanh lý tài sản trên đất giữa Nông trường cà phê P và tôi.

Không đồng ý với nội dung của Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/11/2021 gia đình ông V có gửi đơn khiếu nại gửi UBND xã S và nhận được Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 về việc giải quyết khiếu nại, ông V tiếp tục khiếu nại lên UBND huyện S và đến ngày 24/08/2022 tôi nhận được Quyết định số 2487/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại. Các quyết định này đã xâm hại đến quyền và lợi ích chính đáng của gia đình ông V.

Do đó, người khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 20/05/2009 của UBND tỉnh P về việc thu hồi đất Nông trường Cà phê P1 và giao cho UBND xã S quản lý;

- Hủy quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 05/07/2022 của Chủ tịch UBND xã S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh V (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 24/08/2022 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh V (lần hai);

- Hủy Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/10/2021 của UBND xã S về việc di dời tài sản và giao trả mặt bằng trụ sở nông trường P1 cho UBND xã S quản lý, sử dụng.

Người bị kiện UBND tỉnh P *trình bày:*

Nông trường Cà phê P1 (trước đây là Nông trường Cà phê B) là Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty C. Nông trường sử dụng đất từ năm 1986. Theo quy định của Luật Đất đai thì Nông trường Cà phê P1 thuộc đối tượng thuê đất của Nhà nước nhưng chưa lập thủ tục thuê đất.

Căn cứ các Quyết định của Bộ N1 liên quan đến việc giải thể Nông trường Cà phê P1. Ngày 07/3/2009, Ban P1 đã lập biên bản bán thanh lý tài sản gắn với đất cho ông Trần Thanh V (thôn H, xã S, tỉnh Phú Yên) gồm: "Nhà làm việc: nhà cấp 4, xây gạch, lợp ngói, diện tích 300m^2, Nhà kho: Tường gạch, lợp tole, diện tích 200m^2, Sân phơi bê tông: Diện tích tích 2000m^2 (gồm cả hàng rào lưới B40 bao quanh khuôn viên)" và giá bán tài sản là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), ngày 12/3/2009 Ban thanh lý đã lập giấy sang nhượng tài sản thanh lý và ngày 14/3/2009 đã lập biên bản bàn giao cho ông V.

Đến ngày 03/4/2009, Ban thanh lý có Công văn số 06/BTLNT về việc giao đất đai cho địa phương quản lý trong đó có nội dung: *"Ngày 07/3/2009,* Ban P1 *đã bán đấu giá tài sản gắn liền với đất (gồm: Trụ sở làm việc, Nhà kho,* S *chế biến) cho người mua là ông* Trần Thanh V*;* Ban P1 *giao lại diện tích khu đất nêu trên cho địa phương quản lý theo quy định hiện hành,...Diện tích khu đất 6.000m^2. Đề nghị chính quyền địa phương,* Sở T5 *tiến hành lập các thủ tục tiếp theo về diện tích đất nêu trên để thu hồi và quản lý*".

Ngày 20/5/2009, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND về việc thu hồi đất Nông trường cà phê P giao cho UBND xã S quản lý với "Tổng diện tích đất bị thu hồi: 6.000m^2 bao gồm: đất trụ sở làm việc: 300m^2, đất nhà kho: 200m^2, đất sân phơi: 3.000m^2, đất nền xưởng chế biến: 200m^2, đất vườn: 2.300m^2. Hiện trạng diện tích đất có các tài sản trên đất, bao gồm: Trụ sở, nhà kho, sân phơi bê tông mà Nông trường đã bán thanh lý cho hộ gia đình cá nhân, nhưng chưa được di dời.

Căn cứ điểm 6.3 phần 6 Mục V của Thông tư số 38/2005/TT-BTC ngày 18/5/2005 của Bộ T6 hướng dẫn trình tự, thủ tục, xử lý tài chính khi thành lập mới, tổ chức lại và giải thể Công ty nhà nước quy định Xử lý tài chính khi giải thể Công ty N2: *"Việc bán tài sản liên quan đến quyền sử dụng đất phải tuân theo Luật Đất đai" và* khoản 1, khoản 2 Điều 35 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai quy định xử lý tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản đã đầu tư trên đất trong trường hợp thu hồi đất quy định tại các khoản 2, 3, 5, 8, 9, 11 và 12 Điều 38 của Luật Đất đai: *" 1. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất thành lập Hội đồng định giá để xác định phần giá trị còn lại của tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản đã đầu tư trên đất đối với trường hợp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền đầu tư trên đất không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; phần giá trị còn lại đó thuộc sở hữu của người bị thu hồi đất.*

Trường hợp đất do Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, do Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm, do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc do Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc do Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất cho nhiều năm mà tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã trả có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì chỉ có phần giá trị còn lại đã đầu tư trên đất mà không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thuộc sở hữu của người bị thu hồi đất.

2. Phần giá trị còn lại của tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tài sản đã đầu tư trên đất thuộc sở hữu của người bị thu hồi đất được giải quyết theo quy định sau:

a) Trường hợp đất bị thu hồi thuộc khu vực đô thị hoặc khu vực quy hoạch phát triển đô thị mà giao cho tổ chức phát triển quỹ đất thì tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm trả cho người bị thu hồi đất; ở những nơi chưa có tổ chức phát triển quỹ đất thì do ngân sách của cấp quản lý đất sau khi thu hồi trả cho người bị thu hồi đất;

b) Trường hợp đất bị thu hồi thuộc khu vực nông thôn mà giao cho Ủy ban nhân dân xã, thị trấn để quản lý hoặc để bổ sung vào quỹ đất công ích thì Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có trách nhiệm trả cho người bị thu hồi đất;

c) Trường hợp đất bị thu hồi được Nhà nước giao cho người khác hoặc cho người khác thuê thì người được giao đất, thuê đất có trách nhiệm trả cho người bị thu hồi đất.".

Đến ngày 03/4/2009, Ban P1 có Công văn số 06/BTLNT giao đất đai cho địa phương quản lý với diện tích khu đất là 6.000m^2 (trong đó có phần tài sản bán cho ông V), có tứ cận: Đông giáp Suối H'Ly, Tây giáp đường 21 bis (ĐT 649), Nam giáp nhà ông T4, Bắc giáp đất bà N. Toàn bộ khuôn viên có hàng rào lưới B40, trụ bê tông bao bọc làm ranh giới, trong khuôn viên khu đất có: Nhà làm việc là nhà cấp 4, xây gạch, lợp ngói, diện tích 300m^2; nhà kho có tường gạch, lợp tole, diện tích 200m^2; sân phơi bê tông có diện tích 3.000m^2; nền xưởng chế biến có diện tích 200m^2 và đất vườn có diện tích 2.300m^2.

Từ những cơ sở nêu trên, căn cứ khoản 2 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003 *"2. Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất;"* ngày 20/5/2009, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 20/5/2009 thu hồi đất Nông trường Cà phê P giao UBND xã S quản lý là đúng quy định của pháp luật. Việc ông Trần Thanh V khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 20/5/2009 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất Nông trường Cà phê P là không có cơ sở theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện S *trình bày:*

Trên cơ sở Quyết định số 890/QĐ-UBND Ngày 20/5/2009 về việc thu hồi đất Nông trường cà phê P giao cho UBND xã S quản lý, ngày 18/10/2021 UBND xã S đã ban hành Thông Báo số 81/TB-UBND về việc di dời tài sản và giao trả mặt bằng trụ sở nông trường P1 cho UBND xã S quản lý, sử dụng. Sau khi nhận được

Thông Báo ông Trần Thanh V Không Đồng ý và làm đơn khiếu nại đến UBND xã yêu cầu hủy Thông Báo số 81/TB-UBND về việc di dời tài sản và giao trả mặt bằng trụ sở nông trường P1 cho UBND xã S quản lý, sử dụng.

Qua kết quả xác minh thu thập thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan và trên cơ sở Quyết định số 890/QĐ-UBND Ngày 20/5/2009 của U về việc thu hồi đất Nông trường cà phê P giao cho UBND xã S quản lý . Đến ngày 05/7/2022 Chủ tịch UBND xã S đã Ban hành Quyết định số 317/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh V (lần 1): "*Không công nhận yêu cầu hủy Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/10/2021 của ông* Trần Thanh V*"*.

Không đồng ý với Quyết Định giải quyết số 317/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Chủ tịch UBND xã S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh V (lần 1). Ông V đã khiếu nại Quyết Định giải quyết số 317/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 lên Chủ tịch UBND huyện S, yêu cầu hủy Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Chủ tịch UBND xã S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh V và Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/10/2021 về việc di dời tài sản và giao trả mặt bằng trụ sở nông trường P1 cho UBND xã S quản lý, sử dụng.

Qua kết quả xác minh nội dung khiếu nại: Căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 2003, Điều 35 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân xã, việc UBND xã S ban hành Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/10/2021 về việc di dời tài sản và giao trả mặt bằng trụ sở Nông trường P cho UBND xã S quản lý, sử dụng là đúng quy định của pháp luật vì trong trường hợp này, UBND xã đang thực hiện nhiệm vụ nêu tại Điều 2 Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh P về việc thu hồi đất Nông trường cà phê P giao cho UBND xã S quản lý (thực hiện nhiệm vụ của cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp).

Căn cứ kết quả kiểm tra, xem xét hồ sơ thụ lý, giải quyết khiếu nại (lần 1) của UBND xã S, Điều 14 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại, chương IV Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại năm 2011 nêu về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại thì Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Chủ tịch UBND xã S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh V là đúng quy định của pháp luật.

Về quá trình thu hồi đất đối với diện tích đất 6000m^2 tại thôn H của hộ ông Trần Thanh V: Căn cứ khoản 1, Điều 44, Luật đất đai năm 2003 về thẩm quyền thu hồi đất quy định: *"UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thu hồi đất đối với tổ chức…";* khoản 2, Điều 38 Luật Đất đai 2003 quy định: *"Tổ chức được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản, di chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất";* căn cứ các quyết định giải thể, phê duyệt phương án giải thể Nông trường cà phê P và Công văn về việc giao đất đai cho địa phương quản lý của BTL nông trường, UBND tỉnh P đã ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 20/5/2009 về việc thu hồi đất Nông trường cà phê Phú S1 giao cho UBND xã S quản lý là đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003.

Việc ông Trần Thanh V không đồng ý di dời tài sản, trả lại đất cho địa phương quản lý với lý do đã*"mua tài sản gắn liền với đất"* và từ trước đến nay không nhận được quyết định thu hồi đất; đất đã được gia đình ông sử dụng ổn định, lâu dài. Nếu nay nhà nước thu hồi, phải có phương án đền bù, hỗ trợ hợp lý là không có cơ sở pháp luật, vì: Sau khi UBND tỉnh có quyết định thu hồi đất, các cơ quan chức năng đã tổ chức họp bàn giao đất. Tuy nhiên, ông V không chấp hành quyết định của UBND tỉnh và cố ý sử dụng trái phép diện tích đất từ đó đến nay và không khiếu nại, khiếu kiện gì cho đến trước khi nhận được Thông báo số 81/TB-UBND của UBND xã S. Như vậy xét về thời hạn, thời hiệu khiếu nại quyết định thu hồi đất của ông V theo quy định của Luật khiếu nại đã hết, việc thu hồi 6.000 m^2 đất Nông trường cà phê P giao cho UBND xã S quản lý là đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003. Như vậy, Chủ tịch UBND huyện S đã Ban hành Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 24/08/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh V(lần 2*): "Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Chủ tịch* UBND xã S *về việc giải quyết khiếu nại (lần 1) của ông* Trần Thanh V*".*

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch UBND huyện S Không đồng ý với yêu cầu hủy các Quyết định nêu trên của ông Trần Thanh V.

Người bị kiện Chủ tịch UBND xã S, UBND xã S *trình bày:* Thống nhất theo quan điểm trình bày của Chủ tịch UBND huyện S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài chính trình bày: Theo biên bản đấu giá tài sản thanh lý của Nông trường Cà phê P1 (tài sản gắn liền với đất) ngày 07/3/2009 thì Ban P1 chỉ bán tài sản đấu giá gắn liền với đất (tài sản trên đất), gồm: Nhà làm việc (nhà cấp 4, xây gạch, lợp ngói, diện tích 300m^2) nhà kho (tường gạch, lợp tole, diện tích 200m^2) sân phơi bê tông (diện tích 2.000m^2**,** bao gồm cả hàng rào lưới B40 bao quanh khuôn viên). Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2023/HC-ST ngày 18/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định*:**

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Khoản 2 Điều 38, Khoản 3 Điều 41 và khoản 1 Điều 42 Luật đất đai 2003; điểm 6.3 phần 6 Mục V của Thông tư số 38/2005/TT-BTC ngày 18/5/2005 của Bộ T6; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh V đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 20/05/2009 của UBND tỉnh P về việc thu hồi đất Nông trường Cà phê P1 và giao cho UBND xã S quản lý;

- Hủy quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 05/07/2022 của Chủ tịch UBND xã S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh V (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 24/08/2022 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh V (lần hai);

- Hủy Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/10/2021 của UBND xã S về việc di dời tài sản và giao trả mặt bằng trụ sở nông trường P1 cho UBND xã S quản lý, sử dụng.

Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2023, người khởi kiện ông Trần Thanh V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Người bị kiện UBND tỉnh P vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vụ án này đã đưa ra xét xử nhiều lần. Căn cứ vào Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu hủy các Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 20/05/2009 của UBND tỉnh P về việc thu hồi đất Nông trường Cà phê P1 và giao cho UBND xã S quản lý;

Hủy quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 05/07/2022 của Chủ tịch UBND xã S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh V (lần đầu);

Hủy Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 24/08/2022 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh V (lần hai);

Hủy Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/10/2021 của UBND xã S về việc di dời tài sản và giao trả mặt bằng trụ sở nông trường P1 cho UBND xã S quản lý, sử dụng thì thấy: Nông trường Cà phê P1 (trước đây là Nông trường Cà phê B) là

Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty C. Nông trường sử dụng đất từ năm 1986. Theo quy định của Luật Đất đai và theo tờ khai sử dụng đất đối với trụ sở và kho xưởng diện tích 11.065m^2 (trong đó có 6.000m^2 ông Trần Thanh V đang khiếu kiện thuộc hình thức không phải trả tiền sử dụng đất). Nông trường Cà phê P thuộc đối tượng thuê đất của Nhà nước nhưng chưa lập thủ tục thuê đất.

Căn cứ các Quyết định của Bộ N1 (Quyết định số 1587/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 02/6/2006, Quyết định số 1715/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/6/2006, Quyết định số 1454/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 22/5/2007). Ngày 07/3/2009, Ban P1 đã lập biên bản bán thanh lý tài sản gắn với đất cho ông Trần Thanh V (thôn H, xã S, tỉnh Phú Yên) gồm: "*Nhà làm việc: nhà cấp 4, xây gạch, lợp ngói, diện tích 300m^2, Nhà kho: Tường gạch, lợp tole, diện tích 200m^2, Sân phơi bê tông: Diện tích tích 2000m^2 (gồm cả hàng rào lưới B40 bao quanh khuôn viên). Bán tài sản trên đất…"* và giá bán tài sản là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), ngày 12/3/2009 Ban thanh lý đã lập giấy sang nhượng tài sản thanh lý và ngày 14/3/2009 đã lập biên bản bàn giao tài sản cho ông V.

Đến ngày 03/4/2009, Ban thanh lý có Công văn số 06/BTLNT về việc giao đất đai cho địa phương quản lý trong đó có nội dung: *"Ngày 07/3/2009,* Ban P1 *đã bán đấu giá tài sản gắn liền với đất (gồm: Trụ sở làm việc, Nhà kho,* S *chế biến) cho người mua là ông* Trần Thanh V*;* Ban P1 *giao lại diện tích khu đất nêu trên cho địa phương quản lý theo quy định hiện hành,...Diện tích khu đất 6.000m^2. Đề nghị chính quyền địa phương,* Sở T5 *tiến hành lập các thủ tục tiếp theo về diện tích đất nêu trên để thu hồi và quản lý*". Theo đó thì ban P1 chỉ bán thanh lý đối với tài sản gắn liền với đất chứ không (có quyền) chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 6.000m^2. Còn diện tích đất thì B thanh lý giao lại diện tích khu đất nêu trên cho địa phương quản lý theo quy định.

Điểm 6.3 phần 6 Mục V của Thông tư số 38/2005/TT-BTC ngày 18/5/2005 của Bộ T6 hướng dẫn trình tự, thủ tục, xử lý tài chính khi thành lập mới, tổ chức lại và giải thể Công ty nhà nước quy định Xử lý tài chính khi giải thể Công ty N2: *"Việc bán tài sản liên quan đến quyền sử dụng đất phải tuân theo Luật Đất đai"*

Khoản 2 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003 *"2. Tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất;"* (nay là Điều 65 Luật đất đai 2013)

Khoản 3 Điều 41 Luật đất đai 2003 quy định "*Cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất thực hiện việc thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 38 của Luật này thì đất đã thu hồi thuộc khu vực nông thôn được giao cho* Ủy ban nhân dân xã Q*, thuộc khu vực đô thị và khu vực đã được quy hoạch để phát triển đô thị được giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý (nay là điều 68 Luật đất đai 2013).*

Khoản 1 Điều 42 Luật đất đai 2003 quy định "*1. Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường, trừ các trường*

hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 38 và các điểm b, c, d, đ và g khoản 1 Điều 43 của Luật này (Nay là điều 74 Luật đất đai 2013).

[2.1] Do đó, Ngày 20/5/2009, UBND tỉnh P ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND về việc thu hồi đất Nông trường cà phê P giao cho UBND xã S quản lý với "*Tổng diện tích đất bị thu hồi: 6.000m^2 bao gồm: đất trụ sở làm việc: 300m^2, đất nhà kho: 200m^2, đất sân phơi: 3.000m^2, đất nền xưởng chế biến: 200m^2, đất vườn: 2.300m^2. Hiện trạng diện tích đất có các tài sản trên đất, bao gồm: Trụ sở, nhà kho, sân phơi bê tông mà Nông trường đã bán thanh lý cho hộ gia đình cá nhân, nhưng chưa được di dời*". Ngày 18/10/2021 UBND xã S ban hành Thông báo số 81/TB-UBND gửi cho ông Trần Thanh V về việc di dời tài sản và giao trả mặt bằng trụ sở Nông trường P cho UBND xã S quản lý là có căn cứ. Nên Chủ tịch UBND xã S và Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại không chấp nhận các nội dung khiếu nại của ông Trần Thanh V là đúng quy định.

[3] Xét thấy, diện tích 6.000m^2 đất ông Trần Thanh V đang khiếu kiện có nguồn gốc là đất do nhà nước quản lý. Nên Tòa cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh V là có cơ sở khách quan, đúng pháp luật. Vì vậy, HĐXX cấp phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm ông Trần Thanh V phải chịu.

Các quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Bác kháng cáo của ông Trần Thanh V. Giữ nguyên Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số: 52/2023/HC-ST ngày 18/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Khoản 2 Điều 38, Khoản 3 Điều 41 và khoản 1 Điều 42 Luật đất đai 2003; điểm 6.3 phần 6 Mục V của Thông tư số 38/2005/TT-BTC ngày 18/5/2005 của Bộ T6;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh V đối với các yêu cầu:

Hủy Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 20/05/2009 của UBND tỉnh P về việc thu hồi đất Nông trường Cà phê P1 và giao cho UBND xã S quản lý;

Hủy quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 05/07/2022 của Chủ tịch UBND xã S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh V (lần đầu);

Hủy Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 24/08/2022 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh V (lần hai);

Hủy Thông báo số 81/TB-UBND ngày 18/10/2021 của UBND xã S về việc di dời tài sản và giao trả mặt bằng trụ sở nông trường P1 cho UBND xã S quản lý, sử dụng.

Vì không có căn cứ pháp luật.

Về án phí Hành chính phúc thẩm: Ông Trần Thanh V phải chịu 300.000 đồng, số tiền này được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Trần Thanh V đã nộp theo Biên lai thu số 0000038 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Cục thi hành án tỉnh Phú Yên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn